

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HSST
Ngày: 29/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Vi Tình - Bí thư huyện đoàn, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Bà Trần Thị Bích Vân - Phó Giám đốc Trung tâm VH TT & TT huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử lưu động sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2024/TLST-HS, ngày 23 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Phạm đình Kh, sinh ngày 18/6/2002, tại thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: tổ 7, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ văn hóa 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Minh S, sinh năm 1972 và bà Trần Thị T, sinh năm 1978; Bị cáo chưa cáo vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai từ ngày 01/02/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Đăng K, sinh ngày 20/7/2004, tại thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: tổ 6, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985; Bị cáo chưa cáo vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai từ ngày 01/02/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Văn S, sinh ngày 28/12/2001 tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Làng B, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị X (đã chết); Bị cáo chưa cáo vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị

bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai từ ngày 10/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4/ Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/3/2006, tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: thợ cắt tóc; Trình độ văn hóa 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn S, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1972; Bị cáo chưa cáo vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai từ ngày 10/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L: Bà Cao Thị Mi S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Đ, sinh ngày 15/8/1995. Nơi cư trú: Thôn Tân Hiệp, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1/ Anh Phạm Minh S, sinh ngày 01/01/1972. Nơi cư trú: Tổ 7, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2/ Anh Phan U, sinh ngày 12/4/1993. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

3/ Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 02/9/2007. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Tấn Đ: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian đầu tháng 01 năm 2024, Phạm đình Kh sử dụng điện thoại di động truy cập vào ứng dụng Facebook nhắn tin cho tài khoản có tên bằng chữ Trung Quốc (Kh không nhớ tên tài khoản) với nội dung: “*Anh có bán hay không*” thì người của tài khoản Facebook trả lời “*Có*”, Khoa hỏi: “*Bên anh một hộp bao nhiêu*”, người của tài khoản Facebook trả lời “*2.500.000đồng/hộp*”, Kh đồng ý mua 01 hộp với giá 2.500.000đồng rồi cung cấp địa chỉ của mình tại thị xã A, tỉnh Gia Lai để người của tài khoản Facebook gửi ma túy theo xe khách về cho Kh. Đến sáng ngày hôm sau, Kh nhận được điện thoại của nhà xe (không nhớ biển số xe) gọi Kh nói: “*Xe tới ra nhận hàng*”. Sau đó, Kh điều khiển xe mô tô BKS: 81H3-0786 chạy ra vị trí đầu cầu sông ba thuộc thị xã A gặp nhà xe để nhận hàng và trả số tiền 2.500.000đồng là tiền gói hàng và 50.000 đồng tiền phí vận chuyển. Sau đó, Khoa cầm gói hàng về nhà của mình rồi mở ra để kiểm tra bên trong chứa ma túy và 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy gửi tặng kèm theo. Kh cất giấu ma túy và bộ dụng cụ trên đầu tủ trong phòng ngủ.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, Nguyễn Văn L gặp và nhờ Nguyễn Văn S hỏi “*Có ai bán đồ không, gọi giùm em, em chán quá em lấy về chơi*”. S trả lời “*Ừ, lấy bao nhiêu để gọi thử*”, L nói “*Ừ, có gì gọi giùm 1.000.000đồng, có gì tôi và ông cùng chạy xuống lấy*” rồi L đưa cho S số tiền 1.000.000đồng. Sau đó, S sử dụng điện thoại di động gọi Phạm đình Kh nói: “*Còn không, để S lấy 1.000.000đồng*”, Khoa nói: “*Còn ít,*

khi nào lấy”, S nói : “Chưa biết, tý nữa gọi lại”. Khoảng nửa tiếng sau, Phạm đình Kh đang ngồi chơi tại nhà của Trần Đăng K thì S gọi điện thoại nói “Giờ S chạy xuống S lấy”, Khoa nói “Chạy qua nhà Trần Đăng K để Trần Đăng K đưa cho”. Sau đó, Phạm đình Kh đi về nhà của mình rồi nhắn tin cho Trần Đăng K với nội dung: “Chạy qua đây lấy ma túy rồi về đưa cho thằng S”. S mượn xe mô tô của Lê Đông chở L chạy xuống hẻm phía trước đình An Lũy ở thị xã A rồi nói L xuống xe đứng đợi để S đi lấy ma túy. S một mình chạy vào nhà của Trần Đăng K và hỏi: “Khoa kêu qua đây rồi Khoa đâu”, Trần Đăng K nói: “Nó kêu tao qua nhà nó lấy giùm mày, cho tao mượn xe mô tô của mày để tao qua nhà của Khoa lấy đồ” thì S đồng ý. Sau đó, Trần Đăng K điều khiển xe mô tô qua nhà của Phạm đình Kh lấy 01 gói nylon bên trong chứa ma túy, Trần Đăng K đem về đưa cho S và S đưa cho Trần Đăng K số tiền 1.000.000đồng. Sau đó Trần Đăng K đưa lại số tiền 1.000.000đồng cho Phạm đình Kh. Sau khi lấy được ma túy, S điều khiển xe mô tô quay ra vị trí L đang đứng rồi chở L về nhà của S. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì về đến nhà, S lấy gói thuốc từ trong túi ra đưa cho L và nói: “Đồ đây”, L cầm bỏ trong túi quần. L nói với S “Tối nay cho L ngủ lại nằm xem điện thoại cho vui chứ điện thoại của L đang sửa ở tiệm chưa xong”, S đồng ý cho L ngủ lại. Đến khoảng 14 giờ ngày 10/01/2024 thì bị lực lượng Công an huyện Đ kiểm tra nhà của S phát hiện L cất giấu trong túi quần 01 gói thuốc lá ngựa trắng bên trong có chứa túi nylon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (L và S khai nhận là ma túy đá) nên bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó, khám xét nhà ở của S tại phòng ngủ có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy nên đã niêm phong, tạm giữ để xử lý theo quy định.

Sau khi mua ma túy về và bán cho S thì ngày 14/01/2024, Phạm đình Kh mang số ma túy còn lại đi bộ qua nhà của Trần Đăng K nhờ Trần Đăng K chia giùm ra thành nhiều gói nylon nhỏ để mang về nhà cất giấu cho dễ. Phạm đình Kh cùng Trần Đăng K phân chia số ma túy còn lại thành 16 gói nylon, Phạm đình Kh cho Trần Đăng K 01 gói, còn 15 gói mang về nhà để cất giấu trên đầu tủ trong phòng ngủ của mình. Đến ngày 31/01/2024, Phạm đình Kh đã lấy 01 gói ma túy để sử dụng. Đến ngày 01/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm đình Kh đồng thời khám xét khẩn cấp tại nhà ở của Phạm đình Kh phát hiện 14 gói nylon bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể và 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy nên đã niêm phong, tạm giữ để xử lý theo quy định. Cùng ngày, Trần Đăng K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để đầu thú và khai nhận toàn bộ nội dung diễn biến hành vi phạm tội của mình.

+ Tại Kết luận giám định số: 125/KL-KTHS và số 126/KL-KTHS ngày 17/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

- Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 gói nylon được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,8331 gam.

- Chất rắn màu trắng bám dính trong đoạn ống thủy tinh (uốn cong, một đầu phình to) được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít nên không cân được khối lượng chất bám dính.

+ Tại Kết luận giám định số: 219/KL-KTHS ngày 08/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

- Toàn bộ chất màu trắng dạng tinh thể trong 14 gói nilon trong bì công văn ghi “Bì số 1” gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,4689 gam.

- Chất màu nâu bám dính trong ống thủy tinh có đầu uốn cong và phình to gắn trên nắp lọ nhựa trong bì công văn ghi “Bì số 2” gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít không cân được khối lượng.

Tại cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 22/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Truy tố các bị cáo Trần Đăng K và Phạm đình Kh về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố các bị cáo Trần Đăng K và Phạm đình Kh về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Phạm đình Kh và Trần Đăng K.

Xử phạt Phạm đình Kh từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù.

Xử phạt Trần Đăng K từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng tù.

Xử phạt Nguyễn Văn S từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm đình Kh từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 08 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Đăng K từ 02 năm đến 02 năm 04 tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Phạm đình Kh phải chấp hành hình phạt từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 08 (tám) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Trần Đăng K phải chấp hành hình phạt từ 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S và Trần Đăng K không có thu lợi bất chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Bị cáo Phạm đình Kh phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” có thu lợi bất chính nên căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung số tiền từ 5.000.000đồng đến 8.000.000đồng để sung công quỹ nhà Nước.

Về vật chứng vụ án:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: Chắt ma túy, dụng cụ sử dụng chắt ma túy và 03 sim điện thoại mà các bị cáo dùng để liên lạc mua bán chắt ma túy.

+ Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 03 điện thoại di động các bị cáo Phạm đình Kh, Trần Đình Khoa và Nguyễn Văn S dùng để liên lạc mua bán chắt ma túy. Số tiền 1.000.000đồng Trần Đình Khoa thu lợi bất chính nộp.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội “*Tàng trữ trái phép chắt ma túy*” và “*Mua bán trái phép chắt ma túy*” của các bị cáo xảy ra tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên về thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền. Trong quá trình điều tra và truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi “*Tàng trữ trái phép chắt ma túy*” của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo L khai nhận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, bị cáo L gặp và nhờ bị cáo S mua giùm ma túy và đưa S số tiền là 1.000.000đồng. Sau đó, S dùng xe mô tô chở L đi mua ma túy, sau khi mua được ma túy S chở L về nhà của S, S lấy gói thuốc từ trong túi ra đưa cho L, L cầm bỏ trong túi quần. Đến khoảng 14 giờ ngày 10/01/2024 thì bị lực lượng Công an huyện Đ kiểm tra nhà của S phát hiện L cất giấu trong túi quần 01 gói thuốc lá ngựa trắng bên trong có chứa túi nilon chứa chắt màu trắng dạng tinh thể nên bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Thu giữ của bị cáo 01 gói nilon bên trong có chắt màu trắng dạng tinh thể trong.

Tại phiên tòa bị cáo S khai nhận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, bị cáo L gặp và nhờ bị cáo S mua giùm ma túy và đưa S số tiền là 1.000.000đồng. Sau đó, S dùng xe mô tô chở L đi mua ma túy. S gặp bị cáo Trần Đăng K, K đưa cho bị cáo 01 gói ma túy, bị cáo đưa cho K số tiền là 1.000.000đồng. Sau khi mua được ma túy S chở L về nhà của S, S lấy gói thuốc từ trong túi ra đưa cho L, L cầm bỏ trong túi quần. Đến khoảng 14 giờ ngày 10/01/2024 thì bị lực lượng Công an huyện Đ kiểm tra nhà của S phát hiện L cất giấu trong túi quần 01 gói thuốc lá ngựa trắng bên trong có chứa túi nilon chứa chắt màu trắng dạng tinh thể nên bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm đình Kh khai nhận: Vào ngày 14/01/2024, bị cáo Kh mang số ma túy còn lại đi bộ qua nhà của bị cáo Trần Đăng K nhờ chia giùm ra thành nhiều gói nilon nhỏ để mang về nhà cất giấu cho dễ và để sử dụng dần. Phạm đình Kh cùng Trần Đăng K phân chia số ma túy còn lại thành 16 gói nilon, Phạm đình Kh cho Trần Đăng K 01 gói, còn 15 gói mang về nhà để cất giấu trên đầu tủ trong phòng ngủ của mình. Đến ngày 31/01/2024, Phạm đình Kh đã lấy 01 gói ma túy để sử dụng. Đến ngày 01/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm đình Kh đồng thời khám xét khẩn cấp tại nhà ở của

Phạm đình Kh. Phát hiện và thu giữ 14 gói nilon bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể và 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy nên đã niêm phong, tạm giữ để xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đăng K khai nhận: Vào ngày 14/01/2024, bị cáo Phạm đình Kh mang ma túy qua nhà của bị cáo Trần Đăng K nhờ chia giùm ra thành nhiều gói nilon nhỏ để mang về nhà cất giấu cho dễ và để sử dụng dần. Bị cáo biết Kh chia thành nhiều gói nhỏ để sử dụng nên bị cáo đồng ý giúp. Bị cáo chia số ma túy thành 16 gói nilon, Phạm đình Kh cho bị cáo 01 gói, còn 15 gói Phạm đình Kh mang về nhà cất giấu. Sau khi Phạm đình Kh bị bắt, bị cáo Trần Đăng K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để đầu thú và khai nhận toàn bộ nội dung diễn biến hành vi phạm tội của mình.

+ Tại Kết luận giám định số: 125/KL-KTHS và số 126/KL-KTHS ngày 17/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

- Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 gói nilon được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,8331 gam.

- Chất rắn màu trắng bám dính trong đoạn ống thủy tinh (uốn cong, một đầu phình to) được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít nên không cân được khối lượng chất bám dính.

+ Tại Kết luận giám định số: 219/KL-KTHS ngày 08/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

- Toàn bộ chất màu trắng dạng tinh thể trong 14 gói nilon trong bì công văn ghi “Bì số 1” gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,4689 gam.

- Chất màu nâu bám dính trong ống thủy tinh có đầu uốn cong và phình to gắn trên nắp lọ nhựa trong bì công văn ghi “Bì số 2” gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít không cân được khối lượng.

Qua lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo L, S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K tại phiên tòa, cùng với các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Sau khi giám định thu giữ của bị cáo L ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,8331 gam. Thu giữ của bị cáo Phạm đình Kh ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,4689 gam. Bị cáo L và bị cáo Phạm đình Kh phạm tội bắt quả tang. Đối với hành vi của bị cáo S phạm tội với vai trò giúp sức dùng phương tiện là xe mô tô chở bị cáo L đi mua ma túy về tàng trữ để sử dụng dần. Đối với hành vi của bị cáo Trần Đăng K phạm tội với vai trò giúp sức biết bị cáo Phạm đình Kh nhờ phân chia ma túy ra thành nhiều gói nhỏ để tàng trữ sử dụng dần nhưng bị cáo vẫn giúp Phạm đình Kh chia thành 16 gói nhỏ.

Các bị cáo L, S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K cùng thực hiện một hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo S và Trần Đăng K với vai trò giúp sức. Các bị cáo không có phân chia vai trò và nhiệm vụ cụ thể cho từng người nên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn được quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Từ những chứng cứ và nhận định trên đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K phạm tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm đình Kh khai nhận: Vào khoảng thời gian đầu tháng 01 năm 2024, Phạm đình Kh sử dụng điện thoại di động truy cập vào ứng dụng Facebook nhắn tin cho tài khoản có tên bằng chữ Trung Quốc mua 01 hộp ma túy với giá 2.500.000đồng, sau khi mua về khoa cất giấu ma túy và bộ dụng cụ trên đầu tủ trong phòng ngủ. Đến ngày 09/01/2024, Phạm đình Kh đưa cho Trần Đăng K 01 gói ma túy nhờ bán giùm cho S với giá là 1.000.000đồng. Sau khi bán ma túy cho S Trần Đăng K đưa số tiền 1.000.000đồng cho Phạm đình Kh.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đăng K khai nhận: Ngày 09/01/2024, Phạm đình Kh đưa cho Trần Đăng K 01 gói ma túy nhờ bán giùm cho S với giá là 1.000.000đồng và Trần Đăng K đồng ý. Sau đó Trần Đăng K giao gói ma túy cho S và nhận từ S số tiền là 1.000.000đồng số tiền này cho Trần Đăng K đưa lại cho Phạm đình Kh.

Các bị cáo Phạm đình Kh và Trần Đăng K cùng thực hiện một hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Trần Đăng K với vai trò giúp sức cho bị cáo Phạm đình Kh khi thực hiện hành vi. Các bị cáo không có phân chia vai trò và nhiệm vụ cụ thể cho từng người nên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn được quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Từ những chứng cứ và nhận định trên đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Phạm đình Kh và Trần Đăng K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của các Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K và hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của các bị cáo Phạm đình Kh và Trần Đăng K là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, tiếp tay cho các đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy và các con nghiện ma túy thực hiện hành vi trái pháp luật, đồng thời hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, mà đáng lẽ ra các bị cáo phải nhận thức được rằng ma túy là chất độc có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, bản thân của người sử dụng và luôn là mối đe dọa đến tính mạng của con người khi sử dụng không đúng mục đích. Do đó, Nhà nước và pháp luật cấm sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển và sử dụng trái phép chất ma túy. Rõ ràng các bị cáo có ý thức coi thường pháp luật và cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, các bị cáo L và Phạm đình Kh vai trò chính trong hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, các bị cáo S và Trần Đăng K với vai trò giúp sức. Bị cáo Phạm đình Kh vai trò chính trong hành vi phạm tội

“*Mua trái phép chất ma túy*” và bị cáo Trần Đăng K với vai trò giúp sức. Do đó, xét mức độ hành vi nguy hiểm của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo.

Xét về nhân thân của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Trần Đăng K đầu thú; Bị cáo Phạm đình Kh là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L khi phạm tội là vị thành niên chưa nhận thức đầy đủ về hành vi của mình nên áp dụng Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S và Trần Đăng K không có thu lợi bất chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Bị cáo Phạm đình Kh phạm tội “*Mua trái phép chất ma túy*” có thu lợi bất chính nên căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung số tiền là 5.000.000đồng để sung công quỹ nhà Nước.

[6] Các bị cáo Phạm đình Kh và Trần Đăng K phạm 02 tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*Mua trái phép chất ma túy*” bị xét xử cùng 01 lần nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội.

[7] Xét về căn cứ áp dụng pháp luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt áp dụng cho các bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là tương xứng với hành vi của các bị cáo và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên. Do đó khi quyết định hình phạt xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm trừng trị người phạm tội, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về căn cứ áp dụng pháp luật Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo L, S và Trần Đăng K. Phạt bổ sung đối với Phạm đình Kh, xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo L được hưởng mức án thấp nhất. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá hành vi của bị cáo để có mức hình phạt tương xứng đối với hành vi của bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án:

+ Tịch thu vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng để tiêu hủy gồm:

- 0,7746 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) hoàn lại sau giám định cùng vỏ bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì công văn Phòng Kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm mặt trước có dòng chữ “Số 126/PC09 ngày 17 tháng 01 năm 2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông: Đào Duy T, Bùi Sĩ T và ông Hoàng Ngọc B.

- 01 (một) chai, cao 11 cm, nắp màu đỏ có 02 lỗ, trong đó: một lỗ gắn 01 (một) đoạn ống nhựa (ống hút) màu trắng, lỗ còn lại gắn 01 (một) đoạn ống thủy tinh, uốn cong, một đầu phình to, bên trong ống thủy tinh bám dính ít chất rắn màu trắng cùng vỏ bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì công văn Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm mặt trước có dòng chữ “Số 125/PC09 ngày 17 tháng 01 năm 2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông: Đào Duy T, Bùi Sĩ T và ông Nguyễn Tất N.

- 1,3544 gam chất màu trắng, dạng tinh thể (loại Methamphetamine) hoàn lại sau giám định trong 14 (mười bốn) gói nilon và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 (một) bì công văn, có đặc điểm: mặt trước ghi “bì số 1” và “Số 219/PC09, ngày 08 tháng 02 năm 2024”, tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T, Nguyễn Thành L và Đào Duy T.

- 01 (một) lọ nhựa, nắp màu đen, có 02 lỗ, 01 lỗ gắn ống nhựa màu cam và 01 lỗ gắn ống thủy tinh có đầu uốn cong và phình to cùng vỏ bao gói được niêm phong trong 01 (một) bì công văn, có đặc điểm: mặt trước ghi “bì số 2” và “Số 219/PC09, ngày 08 tháng 02 năm 2024”, tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T, Nguyễn Thành L và Đào Duy T.

- 01 (một) sim điện thoại số 0359748961; 01 (một) sim điện thoại số 0822572329 và 01 (một) sim điện thoại số 0335139919, các bị cáo Phạm đình Kh, Trần Đăng K và Nguyễn Văn S, dùng để liên lạc mua bán chất ma túy.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật chứng vụ án sau đây:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y19, màu xanh tím, số IMEI 1 863861054205118, số IMEI 2 863861054205100, đã qua sử dụng của Phạm đình Kh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng, số IMEI 1 869602035811374, số IMEI 2 869602035811366, đã qua sử dụng của Trần Đình Khoa và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xanh, số IMEI 1 864267040586976, số IMEI 2 864267040586968 đã qua sử dụng của Nguyễn Văn S. các bị cáo dùng để liên lạc mua bán chất ma túy.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền sau đây:

Đối với số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo Phạm đình Kh mua bán trái phép chất ma túy thu lợi bất chính, ông Phạm Đình S là cha của bị cáo đã nộp thay số tiền trên theo biên lai số 0002016 ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K phải nộp tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Tuyên bố các bị cáo Phạm đình Kh và Trần Đăng K phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Phạm đình Kh và Trần Đăng K.

Xử phạt Phạm đình Kh 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

Xử phạt Trần Đăng K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt Nguyễn Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 10/01/2024

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 10/01/2024.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm đình Kh 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm đình Kh số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng). Buộc bị cáo phải nộp số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Đăng K từ 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” cộng với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Buộc bị cáo Phạm đình Kh phải chấp hành hình chung của 02 tội là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 01/02/2024.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” cộng với hình phạt 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Buộc bị cáo Trần Đăng K phải chấp hành hình chung của 02 tội là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 01/02/2024.

[2] Về vật chứng vụ án

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng để tiêu hủy gồm:

- 0,7746 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) hoàn lại sau giám định cùng vỏ bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì công văn Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm mặt trước có dòng chữ “Số 126/PC09 ngày

17 tháng 01 năm 2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông: Đào Duy T, Bùi Sĩ T và ông Hoàng Ngọc B.

- 01 (một) chai, cao 11 cm, nắp màu đỏ có 02 lỗ, trong đó: một lỗ gắn 01 (một) đoạn ống nhựa (ống hút) màu trắng, lỗ còn lại gắn 01 (một) đoạn ống thủy tinh, uốn cong, một đầu phình to, bên trong ống thủy tinh bám dính ít chất rắn màu trắng cùng vỏ bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì công văn Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm mặt trước có dòng chữ “Số 125/PC09 ngày 17 tháng 01 năm 2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông: Đào Duy T, Bùi Sĩ T và ông Nguyễn Tất N.

- 1,3544 gam chất màu trắng, dạng tinh thể (loại Methamphetamine) hoàn lại sau giám định trong 14 (mười bốn) gói nilon và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 (một) bì công văn, có đặc điểm: mặt trước ghi “bì số 1” và “Số 219/PC09, ngày 08 tháng 02 năm 2024”, tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T, Nguyễn Thành L và Đào Duy T.

- 01 (một) lọ nhựa, nắp màu đen, có 02 lỗ, 01 lỗ gắn ống nhựa màu cam và 01 lỗ gắn ống thủy tinh có đầu uốn cong và phình to cùng vỏ bao gói được niêm phong trong 01 (một) bì công văn, có đặc điểm: mặt trước ghi “bì số 2” và “Số 219/PC09, ngày 08 tháng 02 năm 2024”, tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T, Nguyễn Thành L và Đào Duy T.

- 01 (một) sim điện thoại số 0359748961; 01 (một) sim điện thoại số 0822572329 và 01 (một) sim điện thoại số 0335139919, các bị cáo Phạm đình Kh, Trần Đăng K và Nguyễn Văn S, dùng để liên lạc mua bán chất ma túy.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật chứng vụ án sau đây:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y19, màu xanh tím, số IMEI 1 863861054205118, số IMEI 2 863861054205100, đã qua sử dụng của Phạm đình Kh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng, số IMEI 1 869602035811374, số IMEI 2 869602035811366, đã qua sử dụng của Trần Đình Khoa và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xanh, số IMEI 1 864267040586976, số IMEI 2 864267040586968 đã qua sử dụng của Nguyễn Văn S. các bị cáo dùng để liên lạc mua bán chất ma túy.

Việc xử lý vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2024 giữa cơ quan Công an và cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đồng (một triệu đồng) theo biên lai số 0002016 ngày 27 tháng 5 tháng 2024 tại Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Phạm đình Kh và Trần Đăng K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/5/2024) các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình